

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2022/HS-PT

Ngày 20-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo L.L.H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2022/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: L.L.H, sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp HC, xã SH, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xxxC1, Khu phố x, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L.H.H và bà H.T.L; vợ: T.T.C.V; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2021; tiền án: có 03 tiền án. Tại Bản án số: 62/2016/HS-ST ngày 19/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/9/2017; tại Bản án số: 97/2018/HSST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về “Tội đánh bạc” và tại Bản án số: 72/2018/HSST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/5/2020; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 08/5/2022, L.L.H điều khiển xe mô tô biển số 71B4 - xxx.xx đi từ thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đến xã CS, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để tìm bạn. Khi đến khu vực thuộc ấp TS, xã CS, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thì phát hiện nhà ông M.V.T phía trước cửa nhà khép hờ, không khóa và không người trông coi nên nảy sinh ý định vào lấy trộm tài sản. L.L.H đi vào phòng ngủ lục tìm trong quần, áo được treo trên đầu giường thì phát hiện trong túi áo khoác có 01 bao thư được quần giấy lịch bên ngoài, bên trong bao thư có đựng tiền. L.L.H lấy bỏ vào túi quần, đi ra phía trước cửa nhà rút chui điện camera rồi tẩu thoát. Trên đường đi, L.L.H đếm trong bao thư có số tiền 60.000.000 đồng rồi lấy cất vào túi quần và vứt bỏ bao thư cùng tờ giấy lịch. Khi về đến thành phố Bến Tre, L.L.H dùng số tiền trộm được trả nợ cho L.V.K số tiền 20.500.000 đồng; trả cho bà Mạc Kim Phượng số tiền 10.000.000 đồng; trả cho ông Võ Thành Quang số tiền 20.000.000 đồng và cho vợ là Trần Thị Cẩm Vân số tiền 500.000 đồng. Sau đó, hành vi của L.L.H bị phát hiện.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2022/HS-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo L.L.H phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo L.L.H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2022 bị cáo L.L.H kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo L.L.H phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù; tại cấp phúc thẩm bị cáo

cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là có con bị bệnh lao màng não, viêm phổi nặng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có 03 tiền án, phạm tội có 02 tình tiết định khung tăng nặng, với mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù là phù hợp, kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L.L.H 02 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 08/5/2022, tại ấp TS, xã CS, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, bị cáo L.L.H có hành vi lén lút lấy trộm của ông M.V.T số tiền 60.000.000 đồng.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; mặc dù bị cáo đã có 03 tiền án, chưa được xóa án tích nhưng vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng của ông M.V.T; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nhân thân và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo L.L.H phạm “Tội trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” và “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ

nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo tự nguyện “*bồi thường thiệt hại*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo “*thành khẩn khai báo*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và bị hại cũng đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ được Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Bến Tre xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ sinh năm 2021 đang điều trị bệnh lao màng não tại Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh; các toa thuốc, phiếu khám bệnh thể hiện con của bị cáo bị bệnh lao màng não, viêm phổi nặng để yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên; qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân thấy rằng bị cáo đã có 03 tiền án, trong đó có 02 tiền án về các tội xâm phạm sở hữu nhưng bị cáo vẫn không từ bỏ mà lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản, phạm tội có 02 tình tiết định khung tăng nặng theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn; điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân không tốt, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và tài sản của người khác, là người khó cải tạo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và hậu quả do bị cáo gây ra. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không

được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L.L.H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 33/2022/HS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo L.L.H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”;

Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo L.L.H phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam (3b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Công an huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã SH, h. Châu Thành (1b);
- UBND Phường x, Tp. Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông